

Số: 234 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 20/02/2022 đến 16h00 ngày 21/02/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24h qua, thế giới ghi nhận hơn 1,2 triệu ca mắc mới và hơn 5.000 ca tử vong. Tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 425,1 triệu ca, trong đó trên 5,9 triệu ca tử vong.

Tình hình dịch bệnh tại Đông Nam Á mấy ngày qua diễn biến phức tạp và có sự khác biệt lớn giữa các nước. Diễn biến dịch tại Indonesia, Philippines và Việt Nam vẫn căng thẳng so với các nước khác.

Cơ quan Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hàn Quốc (KDCA) sáng 20/2 cho biết số ca COVID-19 mới phát hiện trong 24 giờ qua ở nước này đã vượt 100.000 ca trong ngày thứ 3 liên tiếp do sự lây lan của biến thể Omicron có khả năng lây nhiễm cao. Chính phủ Hàn Quốc dự báo đỉnh dịch của làn sóng lây nhiễm này sẽ rơi vào cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3, với số ca mới có thể lên tới 180.000 ca vào ngày 2/3.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 21/02/2022, cả nước ghi nhận 2.834.373 ca mắc, trong đó 2.828.682 ca trong nước. Đến nay đã có 2.294.669 người khỏi bệnh, 39.501 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.831.521 ca, trong đó có 2.827.112 ca trong nước (99,8%), 2.325.478 người đã khỏi bệnh (82,1%), 39.466 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 46.880 ca mắc mới, trong đó 46.861 ca ghi nhận trong nước (giảm 331 ca so với ngày trước đó) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (5.477), Bắc Ninh (2.582), Phú Thọ (1.908), Quảng Ninh (1.898), Thái Nguyên (1.862), Hải Dương (1.815), Hòa Bình (1.782), Vĩnh Phúc (1.734), Nam Định (1.715), Hải Phòng (1.707), Ninh Bình (1.684), Bắc Giang (1.622), Nghệ An (1.419), Yên Bái (1.280), Thanh Hóa (1.257), Lào Cai (1.181), Thái Bình (1.103), Đà Nẵng (907), Sơn La (860), Bình Định (842), Quảng Nam (842), Tuyên Quang (833), Hưng Yên (799), Hồ Chí Minh (797), Quảng Bình (778), Đắk Lắk (720), Lạng Sơn (699), Hà Tĩnh (689), Khánh Hòa (596), Lâm Đồng (477), Cao Bằng (474), Phú Yên (472), Điện Biên (438), Bà Rịa - Vũng Tàu (376), Bình Phước (365), Hà Nam (329), Đắk Nông (318), Quảng Trị (313), Thừa Thiên Huế (245), Bình Dương (224), Lai Châu (214), Cà Mau (204), Kon Tum (152), Hà Giang (151), Bắc Kạn (122), Quảng Ngãi (118), Bình Thuận (98), Kiên Giang (76), Tây Ninh (63), Đồng Tháp (49), Bến Tre (41), Trà Vinh (38), Bạc Liêu (33), Cần Thơ (14),

Long An (13), Vĩnh Long (12), Ninh Thuận (12), Sóc Trăng (11), Đồng Nai (8), Tiền Giang (6), An Giang (4), Hậu Giang (3).

+ 19 ca nhập cảnh ghi nhận tại Tây Ninh (13), Hà Nội (2), An Giang (2), Hòa Bình (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 5.477 ca mắc, trong đó 1.367 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 2.530 ca tầm soát trong cộng đồng, 1.567 ca trong khu cách ly và 13 ca trong khu phong tỏa. Số mắc mới (5.477 ca) được phân bố tại 30 quận, huyện như sau: Hoàng Mai 471, Bắc Từ Liêm 345, Hai Bà Trưng 296, Thanh Xuân 280, Nam Từ Liêm 276, Hà Đông 271, Đống Đa 255, Ba Đình 253, Long Biên 250, Tây Hồ 248, Đông Anh 236, Cầu Giấy 235, Thanh Trì 218, Gia Lâm 201, Chương Mỹ 140, Thường Tín 140, Hoài Đức 134, Thạch Thất 123, Thanh Oai 121, Hoàn Kiếm 108, Đan Phượng 75, Sóc Sơn 70, Ứng Hòa 69, Mê Linh 40, Quốc Oai 30, Ba Vì 29, Phú Xuyên 23, Sơn Tây 9, Mỹ Đức 9, Phúc Thọ 8 và 514 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Hà Tĩnh (giảm 605), Gia Lai (giảm 286), Lào Cai (giảm 179).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Hải Dương (tăng 499), Hà Nội (tăng 375), Bắc Ninh (tăng 222).

- Đến nay Việt Nam đã ghi nhận 205 ca mắc COVID-19 do biến thể Omicron tại 18 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh (97), Quảng Nam (27), TP. Hà Nội (18), Khánh Hòa (11), Đà Nẵng (8), Kiên Giang (4), Quảng Ninh (20), Thanh Hóa (2), Hải Dương (2), TP. Hải Phòng (1), Long An (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Dương (2), Lâm Đồng (1), Ninh Bình (1), Hưng Yên (6), Bình Phước, An Giang (1).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 32.975 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 70,4% tổng số mắc trong ngày), giảm 876 ca so với ngày trước đó.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 3.899 ca cộng đồng (giảm 141 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 203.821 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 797 ca cộng đồng (tăng 154 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 49.745 ca.

+ TP. Hải Phòng: Trong ngày ghi nhận 1.672 ca thông qua sàng lọc (giảm 26 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 53.670 ca.

+ Tỉnh Bắc Ninh: Trong ngày ghi nhận 1.909 ca cộng đồng (tăng 142 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 61.183 ca.

+ Tỉnh Quảng Ninh: Trong ngày ghi nhận 1.683 ca cộng đồng (giảm 46 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 30.270 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 11.135 ca, Quảng Ninh tăng 8.473 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: TP. Đà Nẵng (giảm 537 ca), Vĩnh Long (giảm 176 ca), Nghệ An (giảm 95 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 2.325.478 người đã khỏi bệnh (82,1%), tăng 13.235 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 466.577 trường hợp, trong đó có 3.145 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.454 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 324; (3) Thở máy không xâm lấn: 96; (4) Thở máy xâm lấn: 258; (5) EMO:13.

- Trong ngày 20/02, ghi nhận 78 trường hợp tử vong (tăng 13 trường hợp so với ngày trước đó), gồm: Đà Nẵng (7), Nghệ An (7), Kiên Giang (5), Ninh Bình (5 ca trong 02 ngày), Bình Định (4), Quảng Bình (4), Bạc Liêu (3 ca trong 02 ngày), Hải Phòng (3), Lâm Đồng (3 ca trong 02 ngày), Phú Yên (3), Quảng Ngãi (3), Cà Mau (2), Cần Thơ (2), Đắk Lắk (2), Điện Biên (2), Gia Lai (2 ca trong 02 ngày), Hải Dương (2), Hòa Bình (2), Sóc Trăng (2), Thái Nguyên (2), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bắc Ninh (1), Bình Phước (1), Bình Thuận (1), Cao Bằng (1), Đồng Tháp (1), Hà Giang (1), Khánh Hòa (1), Long An (1), Nam Định (1), Phú Thọ (1), Thanh Hóa (1), Trà Vinh (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 21/02/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 762/BYT-DP gửi Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế về việc cách ly y tế đối với ca bệnh COVID-19 và các trường hợp tiếp xúc gần.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tập trung quyết liệt việc tiêm vắc xin trên địa bàn theo Kế hoạch số 125/KH-BYT ngày 26/01/2022 về tổ chức chiến dịch tiêm chủng mùa xuân; đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc xin phòng COVID-19 liều bổ sung, liều nhắc lại cho các đối tượng tiêm chủng đến lịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 508/BYT-DP ngày 28/01/2022 và Công văn số 10722/BYT-DP ngày 17/12/2021; đảm bảo tiêm đủ liều cơ bản cho người từ 12 tuổi trở lên hoàn thành trong tháng 02/2022.

- Tăng cường thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu về chiến lược thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 trong tình hình mới; không mặc cảm, kỳ thị những người nhiễm hoặc nghi nhiễm COVID-19; người dân về từ các địa bàn có nguy cơ chủ động khai báo với cơ quan y tế địa phương để được hướng dẫn theo dõi sức khỏe, lấy mẫu xét nghiệm và áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo quy định.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 20/02/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 38.896.780 mẫu cho 82.256.752 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 33.163.616 mẫu tương đương 78.508.813 lượt người, tăng 75.616 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.839.458 mẫu gộp cho 48.300.494 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 21/02/2022 là 213.663.114 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	32.863.320	12.927.860	19.549.060	386.400	63.190.356
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998

7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	107.336.948	51.024.460	29.449.090	26.863.398	213.663.114
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						200.423.246
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						12.739.868

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 213,7 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 200,4 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 12,7 triệu liều¹ chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 20/02/2022

Cả nước đã tiêm 191.667.565 liều (trong ngày tiêm được 294.753 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 95,6% số vắc xin phân bổ 126 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi) ²	100,0%	97,7%	31,9%
Trẻ em (12-17 tuổi)	98,4%	93,2%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 174.706.656 liều:

+ Mũi 1: 70.774.494 liều

+ Mũi 2: 68.631.897 liều³; Mũi bổ sung: 13.400.975 liều.

+ Mũi 3: 21.899.290 liều

59/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

4/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%⁴.

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 16.932.997 liều:

+ Mũi 1: 8.700.946 liều

+ Mũi 2: 8.232.051 liều.

51/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

9/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80-dưới 90%⁵.

3/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 80%⁶.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

¹ 12,7 triệu liều chưa phân bổ gồm: 9,1 triệu liều Pfizer mua; 0,1 triệu liều Sputnik Light do Nga viện trợ; 0,5 triệu liều Sinopharm do Trung Quốc viện trợ; 1,6 triệu liều Moderna (liều 0,5ml) và 1,4 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ.

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

Bao gồm 1.444.994 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày.

Thanh Hóa (89,4%), Cao Bằng (88,9%), Sơn La (87,6%) và Bình Dương (82,5%).

Bắc Cạn, Hà Giang, Quảng Bình, Quảng Trị, Khánh Hòa, Gia Lai, Tp. HCM, Cần Thơ, Đồng Tháp.

Điện Biên (78,6%), Đắk Lắk (78,6%) và Bình Dương (73,1%).

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Tất cả các địa phương đều đã chuyển sang trạng thái “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ. Tuy vậy, số mắc mới có xu hướng gia tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong 02 tuần qua.

Các trường học đã từng bước mở cửa trở lại và Chính phủ đã thống nhất chủ trương mở cửa du lịch từ 15/3/2022, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả biến thể Omicron và thậm chí có thể sẽ có những biến thể mới khác ngoài biến thể Omicron, trong bối cảnh dân mở cửa các hoạt động xã hội, phát triển kinh tế trở lại sẽ làm gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao mắc bệnh nặng (người già, người có bệnh nền).

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm, hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP và Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022; linh hoạt tăng cấp độ phòng, chống dịch (từ cấp độ 3 lên cấp độ 4) ở một số khu vực có diễn biến dịch phức tạp để nhanh chóng kiểm soát tình hình, ngăn chặn hiệu quả lây nhiễm. Thực hiện hiệu quả nguyên tắc: 5K+ vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân.

2. Về công tác y tế:

(1) Triển khai bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chủ động tiếp cận trước các nguồn vắc xin cho trẻ em dưới 12 tuổi (trước mắt là vắc xin Pfizer theo đa số quốc gia trên thế giới) và tiêm ngay theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế thế giới. Trước mắt tiêm vắc xin phòng COVID-19 miễn phí cho người dân; sau khi tiêm đủ liều bổ sung, từng bước nghiên cứu cơ chế tiêm vắc xin dịch vụ sau khi tiêm đủ 3 mũi

(2) Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết...tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà”.

(3) Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu. Phân bổ đủ thuốc kháng vi rút để phục vụ công tác điều trị người bệnh COVID-19. Khuyến khích thành lập các mô hình đội tình nguyện; huy động sự tham gia của các tổ chức tôn giáo, tình nguyện viên...để tổ chức triển khai hoạt động chăm sóc F0 dựa vào cộng đồng; về cơ bản chuyển điều trị tại cộng đồng.

(4) Tăng cường đảm bảo an toàn phòng, chống dịch trong các khu công nghiệp, trường học; kiểm tra phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhất là tại bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe...

(5) Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đơn vị khẩn trương nhập khẩu, sản xuất thuốc điều trị COVID-19; thúc đẩy thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sản xuất vắc xin, thuốc điều trị COVID-19 trong nước.

3. Tiểu ban An ninh trật tự, Ban chỉ đạo của Bộ Công an về phòng chống dịch tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và hoàn thành công tác trọng tâm bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ phòng, chống dịch bệnh.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ với Bộ Y tế thường xuyên đánh giá, nhận định về tình hình dịch để đánh giá nguy cơ dịch COVID-19 bùng phát khi cho học sinh quay lại trường học, từ đó có các hình thức tổ chức dạy học và biện pháp phòng, chống dịch trong các trường học phù hợp với từng cấp độ dịch, chọn thời điểm thích hợp sớm đưa trẻ em quay lại trường học.

5. Tiếp tục rà soát tổng thể các chính sách an sinh xã hội đang triển khai để kịp thời cập nhật, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế; phối hợp chặt chẽ với các tiểu ban, cơ quan chức năng liên quan, chính quyền địa phương thực hiện nhiệm vụ an sinh xã hội thiết thực, hiệu quả, phù hợp, thích ứng tình hình mới theo Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ.

6. Tiếp tục vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và mọi tầng lớp nhân dân tham gia hỗ trợ công tác phòng, chống dịch COVID-19. Đẩy mạnh công tác nắm tình hình tại cơ sở trong phòng, chống dịch, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

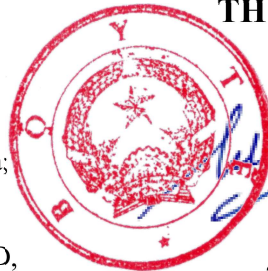
7. Tiếp tục triển khai các giải pháp về tài chính, hậu cần; thường xuyên rà soát về nhân lực, vật tư, thiết bị y tế, cơ sở điều trị để đáp ứng với diễn biến dịch bệnh trên địa bàn, bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống dịch.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 20/02	Số mắc ngày 21/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 21/02	Số tử vong tích lũy đến 20/02
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		47.192	46.861	(331)	2.826.910	39.466
1	Hồ Chí Minh	849	797	(52)	520.790	20.403
2	Bình Dương	215	224	9	294.139	3.395
3	Hà Nội	5.102	5.477	375	203.821	800
4	Đồng Nai	53	8	(45)	100.537	1.725
5	Tây Ninh	64	63	(1)	89.115	842
6	Khánh Hòa	590	596	6	67.107	301
7	Bắc Ninh	2.360	2.582	222	61.183	103
8	Cà Mau	105	204	99	58.602	290
9	Vĩnh Long	35	12	(23)	54.424	763
10	Hải Phòng	1.698	1.707	9	53.670	102
11	Bình Phước	348	365	17	51.218	185
12	Đà Nẵng	720	907	187	49.745	209
13	Đồng Tháp	12	49	37	47.844	956
14	Bình Định	1.019	842	(177)	44.863	188
15	Cần Thơ	22	14	(8)	44.698	905
16	Vĩnh Phúc	1.692	1.734	42	43.519	14
17	Bến Tre	33	41	8	42.879	399
18	Long An	10	13	3	41.981	987
19	Trà Vinh	29	38	9	38.568	240
20	Nghệ An	1.467	1.419	(48)	37.484	68
21	Thanh Hóa	1.220	1.257	37	36.600	43
22	Bạc Liêu	63	33	(30)	36.223	382
23	An Giang	22	4	(18)	35.780	1.316
24	Hải Dương	1.316	1.815	499	35.710	40
25	Tiền Giang	6	6	-	35.444	1.220
26	Nam Định	1.754	1.715	(39)	34.644	44
27	BRVT	288	376	88	34.488	454
28	Kiên Giang	66	76	10	34.133	873
29	Sóc Trăng	13	11	(2)	32.450	582
30	Bình Thuận	85	98	13	30.683	417
31	Quảng Ninh	1.980	1.898	(82)	30.270	13
32	Bắc Giang	1.500	1.622	122	29.790	24
33	Thái Nguyên	1.838	1.862	24	29.496	23
34	Phú Thọ	1.981	1.908	(73)	28.525	20
35	Hưng Yên	789	799	10	27.404	2
36	Quảng Nam	697	842	145	26.876	58
37	Hòa Bình	1.797	1.782	(15)	26.651	47
38	T.T.Huế	224	245	21	25.766	167
39	Lâm Đồng	435	477	42	22.905	78
40	Đắc Lắc	748	720	(28)	22.233	94

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 20/02	Số mắc ngày 21/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 21/02	Số tử vong tích lũy đến 20/02
41	Thái Bình	1.015	1.103	88	19.064	8
42	Ninh Bình	1.556	1.684	128	18.468	37
43	Quảng Ngãi	130	118	(12)	17.675	80
44	Hậu Giang	8	3	(5)	16.227	203
45	Phú Yên	553	472	(81)	15.121	76
46	Quảng Bình	861	778	(83)	14.889	20
47	Lào Cai	1.360	1.181	(179)	14.418	11
48	Hà Giang	139	151	12	14.351	37
49	Gia Lai	286		(286)	13.866	43
50	Sơn La	1.007	860	(147)	13.342	-
51	Lạng Sơn	808	699	(109)	13.161	33
52	Đắc Nông	362	318	(44)	12.305	31
53	Yên Bái	1.275	1.280	5	11.234	6
54	Tuyên Quang	989	833	(156)	11.059	5
55	Quảng Trị	415	313	(102)	10.768	11
56	Hà Nam	290	329	39	10.109	11
57	Hà Tĩnh	1.294	689	(605)	9.131	7
58	Ninh Thuận	12	12	-	7.050	57
59	Điện Biên	358	438	80	5.692	3
60	Cao Bằng	564	474	(90)	5.457	10
61	Kon Tum	143	152	9	5.327	-
62	Lai Châu	332	214	(118)	3.309	-
63	Bắc Kạn	190	122	(68)	2.629	5
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	47.192	46.861	(331)	2.827.112	39.466

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 20/02/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 126 đợt
1	Hà Nội	17.732.612	6.217.596	5.965.893	0	232.016	3.316.324	696.495	672.560	17.100.884	96,4%
2	Hải Phòng	4.404.320	1.692.602	1.613.579	0	544.533	294.803	173.347	174.385	4.493.249	102,0%
3	Thái Bình	3.110.940	1.151.517	1.189.534	96.673	233.690	243.787	150.029	146.157	3.211.387	103,2%
4	Nam Định	3.173.360	1.139.052	1.118.896	0	58.446	245.975	157.820	143.236	2.863.425	90,2%
5	Hà Nam	1.839.760	581.750	572.018	0	272.551	204.601	70.959	69.135	1.771.014	96,3%
6	Ninh Bình	1.747.960	636.194	654.320	0	235.036	106.122	82.166	76.925	1.790.763	102,4%
7	Thanh Hoá	7.685.680	2.352.904	2.135.658	228.432	277.605	100.758	282.438	278.513	5.656.308	73,6%
8	Bắc Giang	3.686.480	1.305.661	1.288.142	0	159.744	921.291	149.767	149.254	3.973.859	107,8%
9	Bắc Ninh	3.032.450	1.133.143	1.085.821	0	359.948	351.272	115.527	108.163	3.153.874	104,0%
10	Phú Thọ	2.398.740	998.479	995.843	0	257.282	127.330	124.912	123.397	2.627.243	109,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
11	Vĩnh Phúc	2.262.070	786.991	767.435	0	233.962	219.143	114.123	112.099	2.233.753	98,7%
12	Hải Dương	3.234.630	1.325.793	1.258.883	4.595	91.139	353.082	157.247	152.948	3.343.687	103,4%
13	Hưng Yên	2.458.262	820.979	792.189	0	285.844	226.390	110.141	108.368	2.343.911	95,3%
14	Thái Nguyên	2.312.690	918.015	884.472	12.792	198.180	142.325	108.213	106.691	2.370.688	102,5%
15	Bắc Cạn	565.100	215.948	210.667	0	10.437	29.948	24.836	21.379	513.215	90,8%
16	Quảng Ninh	3.125.858	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	98,0%
17	Hoà Bình	1.616.610	549.628	516.247	0	219.643	139.012	75.444	71.462	1.571.436	97,2%
18	Nghệ An	5.478.880	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	113,9%
19	Hà Tĩnh	2.250.650	800.466	730.679	0	203.177	109.499	112.855	106.866	2.063.542	91,7%
20	Lai Châu	777.270	255.189	243.996	0	103.326	64.603	53.298	47.643	768.055	98,8%
21	Lạng Sơn	1.604.890	502.276	489.122	0	0	361.929	66.528	62.859	1.482.714	92,4%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
23	Hà Giang	1.572.780	480.614	457.471	269	83.866	157.558	87.233	76.684	1.343.695	85,4%
24	Cao Bằng	873.380	348.729	327.893	0	71.273	87.976	45.436	41.344	922.651	105,6%
25	Yên Bái	1.612.060	513.587	500.180	0	258.532	187.506	78.940	75.511	1.614.256	100,1%
26	Lào Cai	1.483.760	462.745	449.482	0	244.735	95.453	79.841	73.568	1.405.824	94,7%
27	Sơn La	1.746.280	734.147	688.587	2.314	0	135.272	140.784	130.817	1.831.921	104,9%
28	Điện Biên	1.115.500	339.330	313.403	0	181.853	78.612	72.701	58.744	1.044.643	93,6%
Cộng miền Bắc		84.257.132	29.763.419	28.688.464	844.108	5.444.983	9.893.640	3.801.876	3.634.022	82.070.512	97,4%
29	Quảng Bình	1.384.770	531.005	514.110	0	115.923	62.344	79.422	68.550	1.371.354	99,0%
30	Quảng Trị	1.222.182	429.514	413.893	9.938	58.907	103.395	61.709	58.938	1.136.294	93,0%
31	TT- Huế	2.294.176	786.138	761.673	0	237.797	198.145	102.409	98.227	2.184.389	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	2.145.682	862.593	854.564	0	84.480	314.215	100.536	98.437	2.314.825	107,9%
33	Quảng Nam	3.002.400	1.040.676	1.021.035	31.972	299.418	132.331	132.359	129.615	2.787.406	92,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
34	Quảng Ngãi	2.483.394	852.076	796.203	0	94.194	180.306	112.649	110.714	2.146.142	86,4%
35	Bình Định	2.798.680	1.046.952	1.008.992	51.928	323.253	167.464	140.774	136.341	2.875.704	102,8%
36	Phú Yên	1.632.454	624.354	594.364	502	67.889	152.524	84.920	80.618	1.605.171	98,3%
37	Khánh Hòa	2.835.860	975.468	947.897	0	388.672	345.435	117.166	115.533	2.890.171	101,9%
38	Ninh Thuận	1.236.810	430.260	399.249	0	121.203	101.958	60.345	55.499	1.168.514	94,5%
39	Bình Thuận	2.665.820	905.966	874.466	7.207	254.120	91.760	129.059	121.499	2.384.077	89,4%
Cộng miền Trung		23.702.228	8.485.002	8.186.446	101.547	2.045.856	1.849.877	1.121.348	1.073.971	22.864.047	96,5%
40	Kon Tum	984.090	320.381	317.799	8.797	89.236	48.274	58.941	55.506	898.934	91,3%
41	Gia Lai	2.602.452	984.465	889.815	71.411	94.738	130.368	167.495	144.687	2.482.979	95,4%
42	Đắk Lắk	3.255.460	1.253.942	1.182.408	0	440.868	118.904	177.965	162.076	3.336.163	102,5%
43	Đắk Nông	1.215.940	402.802	397.614	0	183.301	77.779	68.070	65.742	1.195.308	98,3%
Cộng Tây Nguyên		8.057.942	2.961.590	2.787.636	80.208	808.143	375.325	472.471	428.011	7.913.384	98,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
44	TP. HCM	20.331.840	7.459.375	6.795.852	12.340	744.977	3.923.865	722.518	704.106	20.363.033	100,2%
45	BR-VT	2.756.640	969.781	894.425	0	0	522.391	110.494	109.204	2.606.295	94,5%
46	Đồng Nai	6.321.360	2.616.258	2.247.256	0	148.607	401.976	284.173	271.486	5.969.756	94,4%
47	Tiền Giang	3.725.890	1.320.628	1.281.494	138.552	98.002	486.401	157.021	162.693	3.644.791	97,8%
48	Long An	4.327.790	1.499.407	1.454.562	30	18.359	940.282	171.046	154.317	4.238.003	97,9%
49	Lâm Đồng	2.968.224	980.338	961.765	0	504.051	171.765	138.014	119.398	2.875.331	96,9%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.217	888.454	10.161	30.414	448.718	108.930	100.274	2.535.168	98,2%
51	Cần Thơ	2.765.418	943.316	939.944	5.907	326.038	217.358	108.755	101.249	2.642.567	95,6%
52	Sóc Trăng	2.641.060	887.380	865.520	0	638.791	45.652	116.852	111.026	2.665.221	100,9%
53	An Giang	4.054.292	1.362.472	1.342.648	186.801	423.168	186.396	203.279	188.286	3.893.050	96,0%
54	Bến Tre	2.992.580	1.022.426	1.003.056	0	450.697	185.748	106.936	103.489	2.872.352	96,0%
55	Trà Vinh	2.088.470	698.874	685.171	0	14.376	443.219	98.456	90.955	2.031.051	97,3%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 126 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 126 đợt
56	Vĩnh Long	2.337.120	777.342	759.064	0	285.175	244.244	91.541	86.859	2.244.225	96,0%
57	Đồng Tháp	3.614.810	1.153.784	1.146.467	148	369.975	225.197	158.940	141.952	3.196.463	88,4%
58	Bình Dương	6.162.150	2.382.084	1.947.651	0	22.104	280.752	186.968	141.929	4.961.488	80,5%
59	Bình Phước	2.212.180	751.928	719.637	0	212.826	133.336	109.584	100.949	2.028.260	91,7%
60	Kiên Giang	3.601.150	1.238.102	1.156.203	65.192	0	247.102	166.535	156.962	3.030.096	84,1%
61	Cà Mau	2.427.210	818.765	808.584	0	410.143	120.020	112.601	111.924	2.382.037	98,1%
62	Bạc Liêu	1.604.190	567.708	557.631	0	174.359	130.549	88.627	85.775	1.604.649	100,0%
63	Hậu Giang	1.529.630	531.770	511.702	0	229.931	71.440	74.042	71.065	1.489.950	97,4%
Cộng miền Nam		81.043.564	28.929.955	26.967.086	419.131	5.101.993	9.426.411	3.315.312	3.113.898	77.273.786	95,3%

Ghi chú:

- 1.409.000 liều vắc xin AstraZeneca đợt 124 và 2.145.120 liều vắc xin Moderna đợt có Quyết định phân bổ ngày 14/02/2022; 902.160 liều vắc xin Moderna đợt 126 có Quyết định phân bổ ngày 19/02/2022. (Tỉnh Thanh Hóa được phân bổ lượng lớn vắc xin 124 và 125 => Tỷ lệ tiêm/số vắc xin phân bổ thấp).

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 65.030 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.646.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.409.577 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 315.574 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 20/02/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	60,9%	100,0%	99,5%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	20,4%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,5%	95,5%	19,6%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,3%	96,5%	21,2%	100,0%	98,8%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,0%	93,4%	33,4%	98,2%	95,7%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	15,9%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	98,5%	89,4%	4,2%	99,8%	98,4%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	72,0%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,8%	94,7%	30,6%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	98,8%	98,5%	12,6%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	99,6%	97,2%	27,7%	98,4%	96,7%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	98,6%	93,7%	26,3%	99,8%	97,0%
13	Hung Yên	826.028	112.803	99,4%	95,9%	27,4%	97,6%	96,1%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,0%	96,3%	15,5%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	98,1%	95,7%	13,6%	98,5%	84,8%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,4%	90,5%	24,4%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	91,9%	13,8%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,6%	93,3%	24,7%	100,0%	90,7%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	99,2%	96,6%	71,5%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	98,1%	93,4%	32,2%	97,0%	85,3%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	94,5%	88,9%	23,8%	100,0%	93,4%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	98,0%	36,7%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	21,4%	99,9%	92,1%
27	Sơn La	786.097	141.408	93,4%	87,6%	17,2%	99,6%	92,5%
28	Điện Biên	336.229	74.737	100,0%	93,2%	23,4%	97,3%	78,6%
Cộng miền Bắc		29.038.518	3.776.394	100,0%	98,8%	34,1%	100,0%	96,2%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	98,0%	94,9%	11,5%	99,9%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,7%	91,2%	22,8%	88,5%	84,5%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	97,7%	25,4%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,5%	96,6%	35,5%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,8%	94,0%	12,2%	94,3%	92,3%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	99,9%	93,4%	21,1%	98,1%	96,4%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,9%	90,5%	15,0%	96,1%	93,1%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,1%	91,5%	23,5%	99,1%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	99,5%	36,2%	91,2%	89,9%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	95,1%	24,3%	97,8%	90,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	96,9%	10,2%	100,0%	94,2%
Cộng miền Trung		8.639.418	1.161.182	98,2%	94,8%	21,4%	96,6%	92,5%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,6%	93,8%	14,3%	97,0%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	93,6%	13,7%	96,5%	83,4%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	99,2%	93,5%	9,4%	86,3%	78,6%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,5%	98,2%	19,2%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	509.383	100,0%	94,2%	12,7%	92,8%	84,0%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	99,5%	57,5%	86,9%	84,7%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,5%	54,6%	98,0%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	90,3%	16,1%	97,3%	93,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,5%	37,4%	99,1%	100,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	64,7%	100,0%	92,0%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	98,9%	17,7%	100,0%	90,6%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	100,1%	93,8%	47,4%	100,0%	100,0%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,5%	99,2%	22,9%	96,5%	89,8%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,3%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,3%	97,9%	13,6%	100,0%	94,7%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,4%	96,5%	17,9%	100,0%	99,1%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	98,1%	63,5%	100,0%	100,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	98,7%	31,8%	99,8%	94,7%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	92,7%	92,1%	18,1%	99,6%	88,9%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,5%	11,9%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,1%	94,9%	17,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	97,1%	20,8%	96,3%	90,8%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	14,7%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,1%	97,4%	22,8%	97,6%	94,4%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,2%	95,4%	13,3%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.115.078	3.406.707	100,0%	95,9%	33,5%	97,3%	91,4%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 19/02/2022 đến 16h00 ngày 20/02/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.303 lượt người (nhập cảnh: 1.793, xuất cảnh: 2.510).
- + Tuyến VN-TQ: 944 lượt người (nhập cảnh: 410, xuất cảnh: 534).
- + Tuyến VN-Lào: 2.173 lượt người (nhập cảnh 995, xuất cảnh: 1.178).
- + Tuyến VN-CPC: 1.186 lượt người (nhập cảnh 388; xuất cảnh: 798).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 505 người trong đó:
- + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 367 người (VN-TQ: 47; VN-Lào: 42, VN-CPC: 278).
- + Số người nhập cảnh trái phép: 127 người (VN-TQ: 20; VN-Lào: 0, VN-CPC: 107).
- + Số người trao trả: 11 người (VN-TQ: 11; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 20/02/2022 tới ngày 21/02/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 2.310 lượt người (nhập cảnh: 1.525 lượt người; xuất cảnh: 785 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 3.563 lượt người (nhập cảnh: 2.280 lượt người; xuất cảnh: 1.283 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 21/02, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 34 tin/bài tiếng Việt; 42 ảnh trong nước và quốc tế; 24 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh tại Việt Nam và thế giới, công tác tiêm vaccine phòng COVID-19;...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tiếp tục cập nhật thông tin về chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19; kiến nghị của Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19; diễn biến tình hình dịch COVID-19 ở các địa phương như tăng số F0, nhiều F0 là học sinh, giáo viên; nỗ lực kiểm soát dịch bệnh, đẩy nhanh bao phủ vaccine phòng COVID-19...; khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch COVID-19, tăng cường phòng chống dịch COVID-19 trong tình hình mới, nhất là khi trẻ đã trở lại trường học trực tiếp; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như: Dự luận Nhật Bản có ý kiến trái chiều về

quyết định nói lỏng các biện pháp kiểm soát nhập cảnh của Chính phủ; Australia đón du khách quốc tế quay lại sau 2 năm đóng cửa biên giới; Israel dỡ bỏ hạn chế với du khách quốc tế từ đầu tháng 3; Thái Lan yêu cầu tất cả các địa phương đẩy mạnh chống dịch...

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 20/02, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.315.000 cuộc gọi (ngày 20/02 đã tiếp nhận và xử lý hơn 7 nghìn cuộc gọi).

08/2	09/2	10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2
6574	7453	9206	8943	7858	6229	7747	7776	8326	9277	9318	9485	7528

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 20/02/2022 đã tiếp nhận hơn 311 nghìn cuộc (ngày 20/02/2022 đã tiếp nhận 62 cuộc).

Tiêu chí	8/2	09/2	10/2	11/2	12/2	13/2	14/2	15/2	16/2	17/2	18/2	19/2	20/2
Cuộc gọi đến	47	51	55	54	47	57	53	56	59	80	65	59	62

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 36.521.370 (= ngàn so với 20/02/2022, tăng 21.051 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 38,24% dân số, 55,01% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.751.276 điểm đăng ký

+ 139.547 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 251.160.668

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 191.667.565

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 179.3790.291

- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,59%

- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.849.239

- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19; truyền thông theo Kế hoạch của Tiểu ban Truyền thông với thông điệp “*Linh hoạt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả, bảo vệ sức khỏe, tính mạng và sinh hoạt bình thường của nhân dân, vì một Tết Nhâm Dần sum họp, an toàn*”.

- Tuyên truyền việc phục hồi, phát triển kinh tế của bộ, ngành, địa phương bên cạnh việc chống dịch.

- Tuyên truyền việc mở lại du lịch; việc học sinh, sinh viên đến trường...

- Báo chí vẫn tiếp tục tăng cường khuyến cáo, nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan, xem nhẹ các biện pháp phòng, chống dịch khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Một số tỉnh, thành trên cả nước đã có văn bản hoãn tốc về việc tạm dừng đón học sinh tới trường, do số ca F0 tăng mạnh khi học sinh đi học trở lại.

- Bộ Y tế đã ban hành Thông tư quy định giá xét nghiệm SARS-CoV-2. Theo Thông tư mới có hiệu lực từ ngày 21/02 này, mức giá trần mới sẽ giảm cao nhất khoảng 30% so với giá hiện hành.

- Báo chí thông tin, cảnh báo việc một số bộ phận người dân còn chủ quan, suy nghĩ “trước sau gì cũng là F0”, do vậy dẫn đến việc lơ là, không có ý thức phòng dịch, dẫn tới số ca nhiễm tăng lên. CDC Hà Nội khuyến cáo, mặc dù đa số F0 sẽ khỏi, triệu chứng nhẹ, nhưng vẫn có những người có bệnh nền, người già,... thì nguy cơ trở nặng lớn. Nếu số lượng ít thì hệ thống điều trị vẫn có thể đáp ứng được, nhưng người trở nặng nhiều trên số tuyệt đối sẽ gây ra quá tải y tế. Do vậy, người dân cần tiếp tục tuân thủ nguyên tắc 5K, nâng cao ý thức phòng dịch, đặc biệt trong bối cảnh mưa lạnh, độ ẩm cao, thuận lợi cho dịch bệnh phát triển.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- **Thành phố Hồ Chí Minh:** Sau Tết Nguyên đán và học sinh đi học trực tiếp, số ca nhiễm COVID-19 tại TP.HCM đã tăng, đồng thời số ca nhập viện cũng có khuynh hướng tăng nhẹ. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP.HCM cho hay hiện tượng số ca mắc mới tăng ở tất cả các quận, huyện và TP Thủ Đức đã được dự báo trước khi TP khôi phục các hoạt động lao động sản xuất, học tập cũng như các sinh hoạt xã hội.

Bên cạnh đó, TP.HCM cũng phát hiện những ca bệnh mang biến chủng Omicron trong cộng đồng.

- Thành phố Hà Nội:

+ Chủ tịch UBND TP Chu Ngọc Anh đã có công điện tăng cường các biện pháp thích ứng an toàn và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Theo đó TP yêu cầu tiếp tục tổ chức chiến dịch tiêm chủng mùa xuân, đẩy mạnh tiến độ tiêm mũi bổ sung, mũi nhắc lại theo hướng dẫn của Bộ Y tế, hoàn thành tiêm mũi bổ sung, mũi nhắc lại trong quý 1/2022.

Hà Nội cũng rà soát, bổ sung giường điều trị COVID-19 tại các bệnh viện của TP, đảm bảo giường điều trị tại tầng 2 và tầng 3, giảm tỉ lệ chuyển nặng và tử vong bằng cách

tăng cường hội chẩn, chỉ đạo tuyến, tăng cường cung cấp gói thuốc C (thuốc kháng virus) cho bệnh nhân tại các tầng điều trị.

Hà Nội cũng có lợi thế là có nhiều bệnh viện tuyến trung ương, bệnh viện bộ ngành đóng trên địa bàn và các bệnh viện này hiện cũng đang điều trị bệnh nhân COVID-19 cho Hà Nội.

+ TP Hà Nội trước đó đã thông báo tạm dừng kế hoạch đón học sinh từ lớp 1-6 trở lại trường do các ca nhiễm COVID-19 trong trường học tăng và diễn biến xấu của thời tiết.

- **Phú Thọ:** Trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, UBND tỉnh Phú Thọ đã ban hành văn bản về đảm bảo an toàn cho học sinh trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19. Theo đó, tỉnh Phú Thọ yêu cầu UBND các huyện, thị, thành chỉ đạo, tổ chức dạy học trực tuyến đối với giáo dục tiểu học, trung học cơ sở từ ngày 21/02/2022 cho đến khi có thông báo mới. Đối với giáo dục mầm non, căn cứ tình hình dịch bệnh COVID-19 và điều kiện thực tế, các cơ sở giáo dục tiếp tục phối hợp với phụ huynh để thống nhất phương án chăm sóc trẻ đảm bảo an toàn; tạo điều kiện để phụ huynh tham gia lao động, sản xuất.

- **Bắc Ninh:** Có văn bản tăng cường các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 để ổn định cuộc sống của người dân nhằm tập trung phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu không được chủ quan lơ là, tự giác khai báo y tế, tuân thủ 5K; khuyến khích người dân tự làm xét nghiệm khi thấy có dấu hiệu nghi ngờ mắc COVID-19.

- **Quảng Ninh:** Tăng cường giám sát người ra vào các khu công nghiệp, đồng thời có biện pháp chuyển đổi với các lớp học có nhiều F0, nhờ đó số mắc mới đang theo chiều hướng giảm dần. Giám đốc CDC Quảng Ninh cho biết do tỉ lệ tiêm vắc-xin của Quảng Ninh đạt vào nhóm hàng đầu của cả nước, đến nay tỉ lệ người từ 18 tuổi trở lên đã được tiêm 3 mũi vắc-xin lên đến 93%, vì thế dù số mắc mới cao nhưng cả tỉnh chỉ có hơn 1.000 F0 đang điều trị tại bệnh viện, còn lại tình trạng rất nhẹ, chỉ cần theo dõi tại nhà. Số ca nặng, nguy kịch dưới 1%.